TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-ST
Ngày 16 - 3 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi.

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Diệp Thị Thu Nguyệt.
- Ông Nguyễn Thành Phước.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Tiểu Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2022/TLST- DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **T**, sinh năm 1998;

Địa chỉ: khóm B, xã P, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà H, sinh năm 2000; địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện T, tỉnh Long An (Theo giấy ủy quyền ngày 08-12-2022).

Bị đơn:

1. Ông **T1**, sinh năm 1989;
2. Bà **X**, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã C, huyện S, tỉnh An Giang.

(Có mặt bà H; vắng mặt ông T1, bà X)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà H trình bày:***

Ngày 12-5-2022, ông T1 có gọi điện thoại cho ông T để vay số tiền 140.000.000 đồng, ông T đồng ý, đến ngày 14-5-2022 ông T ký hợp đồng mượn tiền, mục đích vay tiền để giải quyết công việc nhà và chữa bệnh cho con, theo mẫu hợp đồng có ghi lãi suất thỏa thuận nhưng thực tế ông T cho ông T1, bà X vay không tính lãi; thời hạn vay tính từ ngày 13-5-2022 đến ngày 13-6-2022. Hình thức nhận tiền là chuyển khoản, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 15-5-2022, ông T chuyển cho ông T1 số tiền 50.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng của ông T1 và giao thêm cho ông T1 số tiền mặt là 10.000.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 16-5-2022, ông T tiếp tục chuyển cho ông T1 số tiền 50.000.000 đồng qua số tài khoản ngân hàng của ông T1.

- Lần 3: Ngày 17-5-2022, ông T tiếp tục chuyển cho ông T1 số tiền 30.000.000 đồng qua số tài khoản ngân hàng của ông T1.

Tổng cộng ông T1 vay của ông T số tiền là 140.000.000 đồng, việc X là vợ ông T1 hoàn toàn biết và chứng kiến việc vay tiền của ông T1, vào thời điểm ông T1 ký nhận hợp đồng mượn tiền có sự chứng kiến của bà X.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông T1, bà X liên đới trả số tiền vay còn nợ là 140.000.000 đồng, ông T yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 17-6-2022 đến ngày 16-3-2023 là 09 tháng 29 ngày.

Tài liệu, chứng cứ ông T cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là hợp đồng mượn tiền ngày 14-5-2022 và giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 18-3-2019 của ông T1 và bà X.

**** Đối với bị đơn ông T1, bà X*** **:** Trong quá trình tố tụng ông T1, bà X vắng mặt, Tòa án nhân dân huyện S đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập ông T1, bà X tham gia phiên họp hai lần hợp lệ, nhưng ông bà vẫn vắng mặt và không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của ông T.

Tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của ông T có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông T1, bà X vắng mặt không có lý do.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa**:

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc buộc ông T1, bà X liên đới trả số tiền vay còn nợ là 140.000.000 đồng và trả lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 17-6-2022 đến ngày 16-3-2023; buộc ông T1, bà X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền vay còn nợ. Bị đơn có nơi cư trú tại xã C, huyện S, tỉnh An Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông T1, bà X đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T1, bà X.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Ông T yêu cầu ông T1, bà X liên đới trả số tiền vay còn nợ là 140.000.000 đồng và trả lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 17-6-2022 đến ngày 16-3-2023. Chứng cứ ông T cung cấp là bản chính hợp đồng mượn tiền ngày 14-5-2022 và giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 18-3-2019. Ông T xác định hợp đồng mượn tiền ngày 14-5-2022 do ông T1 biên soạn và ông T1 ký ghi họ tên vào đại diện bên B (bên mượn tiền), có sự chứng kiến của bà X là vợ ông T1 và mục đích vay tiền của ông bà là để giải

quyết công việc nhà, chữa bệnh cho con. Ông T1, bà X là vợ chồng hợp pháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 18-3-2019 đến thời điểm ông T1 vay tiền của ông T thì ông bà vẫn còn là vợ chồng nên bà X phải chịu trách nhiệm liên đới đối với khoản vay 140.000.000 đồng của ông T1 nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Đến hết thời hạn trả nợ, ông T nhiều lần yêu cầu nhưng ông T1, bà X cố tình trốn tránh nghĩa vụ, đến nay vẫn không trả số tiền vay cho ông T; điều này đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay trong hợp đồng vay tài sản. Đối với yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật của ông T: Ông T cho ông T1, bà X vay không có lãi nên lãi suất theo quy định của pháp luật trong trường hợp này là 10%/năm (tức 0,83%/tháng) trên số tiền chậm trả 140.000.000 đồng tương ứng với thời gian chậm trả (kể từ ngày 17-6-2022 đến ngày 16-3-2023 = 09 tháng 29 ngày), tức là 140.000.000 đồng × 0,83% × 09 tháng 29 ngày = 11.581.257 đồng (*Mười một triệu năm trăm tám mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng*). Từ những nhận định trên, ông T yêu cầu ông T1, bà X trả số tiền vay còn nợ là 140.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 17-6-2022 đến ngày 16-3-2023 là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Đối với ông T1, bà X là bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T1, bà X không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của ông bà, không giao nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh để tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận nên ông T1, bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh An Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

1. Buộc ông T1, bà X liên đới trả cho ông T số tiền 151.581.257 đồng (*Một trăm năm mươi mốt triệu năm trăm tám mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng*). Trong đó, số tiền vay là 140.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 16-3-2023 là 11.581.257 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, ông T có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền ông T1, bà X phải liên đới trả cho ông T) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông T1, bà X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông T1, bà X phải chịu 7.579.063 đồng (*Bảy triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn không trăm sáu mươi ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông T số tiền 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011281 ngày 25-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh An Giang.

3. Quyền kháng cáo: Ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông T1, bà X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
+ Nguyên đơn;
+ Bị đơn;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Dương Thị Bé Thi